BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 3728 /QĐ-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2016-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 4611/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch công tác năm 2014;

Căn cứ Kế hoạch số 4194/KH-BVHTTDL ngày 14 tháng 11 năm 2013 về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng "Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2015-2020";

Căn cứ Kế hoạch số 3229/KH-BVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 47/NQ-CP của Chính phủ về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) gồm các nội dung chủ yếu sau:

I. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

2. Ưu tiên các nhiệm vụ, dự án theo thứ tự sau:

a) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính;

b) Hoàn thiện kết nối mạng diện rộng (WAN) của Bộ;

c) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

d) Bước đầu xây dựng các phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của Bộ;

đ) Kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin theo hướng chuyên trách.

3. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% cho cơ quan quản lý nhà nước và hành chính sự nghiệp; hỗ trợ một phần cho đơn vị sự nghiệp có thu. Các đơn vị sự nghiệp có thu có trách nhiệm sử dụng nguồn thu của đơn vị cho hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đơn vị.

4. Áp dụng phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu tin học hóa hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ gắn với công tác cải cách hành chính;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, trong hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; kết nối Cổng thông tin điện tử của Bộ với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, các Bộ, ngành, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cung cấp dịch vụ công trực tuyến đến người dân, doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

c) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trong các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin thuộc Bộ và thuộc các Tổng cục đáp ứng việc cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho xã hội;

d) Nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng được nhu cầu làm chủ các hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức làm việc trong cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Hàng năm, phấn đấu nâng cao thứ hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch so với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, phấn đấu xếp hạng tổng thể đứng trong tốp 6.

a) Hạ tầng công nghệ thông tin

- Hệ thống trang thiết bị (máy tính, máy in, máy scan...) hiện đại, hệ thống mạng LAN sử dụng đường trục cáp quang đáp ứng tin học hóa trong hoạt động chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ; giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; phục vụ hiệu quả công tác chuyên môn và trao đổi thông tin trên môi trường mạng của cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cấp, xây dựng mới phòng máy tính, trung tâm học liệu, hệ thống mô phỏng phục vụ công tác giảng dạy trong khối trường học thuộc Bộ.

- Hoàn thiện mạng diện rộng (WAN) kết nối đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhằm phục vụ cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ hành chính công.

- Đảm bảo tính ổn định, an toàn, an ninh của Cổng thông tin điện tử, các hệ thống thông tin điện tử và các hệ thống công nghệ thông tin khác của Bộ.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin

- 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ sử dụng các phần mềm tác nghiệp, phần mềm quản lý làm việc trên môi trường mạng internet. 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức 3, trong đó phấn đấu một số dịch vụ hành chính công trực tuyến được triển khai ở mức 4.

- Đảm bảo thực hiện chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin từ Bộ đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đảm bảo các nội dung thông tin theo yêu cầu của Chính phủ được thực hiện trên môi trường mạng.

- Xây dựng các hệ thống thông tin điện tử chuyên ngành phục vụ thống kê, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ và nhu cầu tra cứu thông tin của người dân, doanh nghiệp; hệ thống tư liệu lịch sử phục vụ lưu trữ, đối nội, đối ngoại của Bộ; cơ sở dữ liệu "Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020" theo Quyết định số 896/QĐ-TTg của Chính phủ.

- Nâng cấp, xây dựng các hệ thống thông tin, dữ liệu số phục vụ quản lý, giảng dạy, tra cứu thông tin, quảng bá hình ảnh của cơ quan, đơn vị.

- Kết nối Cổng thông tin điện tử của Bộ với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và các Bộ, ngành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông qua các điểm giao dịch điện tử. Tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin để tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin với người dân, doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin điện tử và các kênh truyền thông khác của Bộ.

c) Nguồn nhân lực

- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo hệ điều hành, bộ ứng dụng văn phòng, thư điện tử và ứng dụng các phần mềm trong công tác chuyên môn, khai thác thông tin trên Internet phục vụ cho công việc và có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về dịch vụ công trực tuyến.

- Phấn đấu mỗi cơ quan quản lý nhà nước bố trí từ 01-02 cán bộ, mỗi đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ bố trí từ 02-03 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin của các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Bộ và Cổng thông tin điện tử của Bộ được đào tạo chính quy, chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng, phát triển, vận hành và quản lý bảo đảm an ninh, an toàn cho toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của Bộ.

d) Công nghiệp công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin trên môi trường mạng, thiết kế xây dựng phần mềm trên nền tảng công nghệ hiện đại, dịch vụ dữ liệu số, kỹ xảo điện ảnh và triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng khác thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ.

- Nâng cao năng lực trong xử lý và tổng hợp thông tin của các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Bộ đáp ứng là cơ quan tham mưu cho Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục về ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong công nghệ thông tin.

III. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Khối cơ quan quản lý nhà nước

1.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) Nâng cấp hạ tầng mạng LAN khối cơ quan Bộ, cải tạo hệ thống đường truyền mạng nội bộ ngang hàng hoặc quản lý theo mô hình 2 cấp;

b) Trang bị bổ sung máy tính cá nhân cho cán bộ công chức đảm bảo đủ nhu cầu máy tính, kết nối mạng internet cho cán bộ, chuyên viên;

c) Xây dựng hệ thống mạng diện rộng (WAN) của Bộ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

d) Đầu tư hạ tầng cho hệ thống thư điện tử đáp ứng nhu cầu sử dụng thư điện tử trên tên miền riêng của cơ quan, đơn vị cho cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tiến tới xây dựng kế hoạch, quy chế sử dụng thư điện tử phục vụ công việc trong cơ quan nhà nước của Bộ;

đ) Trang bị phần mềm bản quyền thiết yếu như: Hệ điều hành, bộ phần mềm văn phòng, phần mềm diệt virus...

1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Nâng cấp hệ thống thư điện tử hiện có đảm bảo việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của Bộ và các đơn vị trực thuộc;

b) Duy trì hoạt động các trang tin điện tử; hoàn thiện hệ thống dữ liệu chuyên ngành đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bộ; xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch phục vụ công tác quản lý, thống kê, tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp;

c) Đầu tư, xây dựng hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện kết nối giữa Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Số hóa, bổ sung, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở một số hệ thống đã có. Ưu tiên xây dựng các dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước mang tính cấp bách trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;

đ) Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ. Thực hiện việc triển khai cơ sở hạ tầng để áp dụng các hệ thống quản lý văn bản có chứng thực điện tử (CA) theo định hướng của Chính phủ.

1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử của Bộ, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến và tương tác thông tin giữa Bộ với người dân và doanh nghiệp;

b) Hàng năm, căn cứ danh mục các dịch vụ hành chính công mà Bộ cung cấp tới người dân, doanh nghiệp để lựa chọn triển khai cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3, 4, ưu tiên các dịch vụ có nhu cầu cấp bách;

c) Đảm bảo khả năng kết nối giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với Cổng thông tin điện tử của Bộ và các trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục; bảo đảm tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính theo những quy định mới ban hành của Bộ Thông tin và Truyền thông về công nghệ thông tin;

d) Tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quảng bá các dịch vụ thuộc quyền cung cấp của Bộ đến người dân và doanh nghiệp qua các phương thức công nghệ thông tin và truyền thông.

1.4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

a) Bố trí từ 01-02 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin;

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin, tập trung tập huấn kỹ năng phục vụ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, nghiệp vụ cung cấp dịch vụ hành chính thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ, trang tin điện tử;

c) Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin về xây dựng, phát triển và quản trị cơ sở dữ liệu chuyên ngành, quản trị Cổng thông tin điện tử, trang tin điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính.

2. Khối đơn vị sự nghiệp

2.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

a) Nâng cấp hướng đến hoàn thiện hệ thống mạng LAN (có dây và không dây); đường truyền internet tốc độ cao thành cáp quang đảm bảo chất lượng kết nối với hệ thống mạng diện rộng (WAN) của Bộ;

b) Triển khai phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin (internet tốc độ cao, hosting, mail server, bảo trì máy tính,..) theo quy định của Chính phủ;

c) Nâng cấp chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo các trang thông tin điện tử vận hành thông suốt 24 giờ/7 ngày phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin của người dân, doanh nghiệp;

d) Ưu tiên xây dựng, nâng cấp trang tin điện tử các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, đảm bảo nhu cầu quảng bá thông tin đến với người dân, doanh nghiệp;

đ) Bổ sung hệ thống trang thiết bị, máy tính cần thiết đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên ngành tại đơn vị được hiệu quả;

e) Đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng máy tính, trung tâm học liệu, trung tâm mô phỏng phục vụ giảng dạy, huấn luyện, thực hành nghề và nhu cầu tra cứu dữ liệu điện tử của học sinh, sinh viên tại khối trường học.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ đơn vị

a) Nâng cấp, hoàn thiện tất cả các hệ thống thư điện tử riêng theo tên miền trang tin của đơn vị sự nghiệp; sử dụng thư điện tử để trao đổi văn bản điện tử, chỉ đạo điều hành hoạt động của đơn vị một cách có hiệu quả;

b) Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống các phần mềm phục vụ quản lý của các đơn vị sự nghiệp như: phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương, quản lý tài sản, quản lý hồ sơ công văn; xây dựng đồng bộ phần mềm quản lý học sinh, sinh viên tại khối trường học (học viện, đại học, cao đẳng, trung cấp) trực thuộc Bộ.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Số hóa hệ thống dữ liệu, tư liệu trong lưu trữ và phổ biến thông tin, phục vụ người dân và doanh nghiệp;

b) Duy trì cập nhật dữ liệu các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo việc kết nối và cung cấp thông tin đồng bộ giữa các trang tin điện tử của đơn vị với Cổng thông tin điện tử của Bộ.

2.4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

a) Bố trí cán bộ, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị;

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao nhận thức đối với cán bộ quản lý, phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị; bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo chuẩn tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin; phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công nghệ thông tin; tập huấn kiến thức, nghiệp vụ công nghệ thông tin nhằm vận dụng tốt vào hoạt động sự nghiệp, quảng bá dịch vụ do đơn vị cung cấp đến người dân, doanh nghiệp;

c) Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị mạng, khai thác và quản trị trang thông tin điện tử;

d) Bố trí cán bộ, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia tập huấn chuyên sâu, đào tạo sau đại học về công nghệ thông tin; tham dự hội thảo khoa học về công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước.

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện quán triệt Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị quyết số 36 - NQ/TW ngày 01 tháng 07 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị;

b) Tổ chức đánh giá xếp hạng chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trong phạm vi Bộ.

2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

a) Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ chỉ đạo toàn diện hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ theo quy định tại Quyết định số 2853/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động về công nghệ thông tin của Bộ được triển khai nhất quán từ cấp Bộ đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc bao gồm các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao.

3. Về chính sách

a) Cập nhật, kịp thời phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin của Nhà nước và của Bộ; hướng dẫn thực hiện quy chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

b) Kiện toàn hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý công nghệ thông tin từ Bộ đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. Xây dựng và hoàn thiện quy chế, phương thức phối hợp của các cơ quan, đơn vị tham gia trực tiếp trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ;

c) Thu hút nguồn lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị;

d) Xây dựng chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin về làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin. Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin làm việc tại các cơ quan, đơn vị.

4. Liên kết, hợp tác và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

a) Chủ động liên kết, hợp tác với đơn vị đào tạo trong và ngoài nước có uy tín trong việc đào tạo (đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin), chuyển giao công nghệ,... cho cán bộ, công chức, viên chức;

b) Đẩy mạnh việc liên kết, hợp tác với các Bộ, ngành và tỉnh/thành trong cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin, Đề án xây dựng Chính phủ điện tử theo định hướng của Chính phủ;

c) Tăng cường liên kết, hợp tác với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, dự án điều tra khảo sát.

5. Nguồn nhân lực

a) Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước của Bộ;

b) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ hiện đại nền hành chính công vụ, cung cấp dịch vụ hành chính công và nhân lực tại các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ về văn hóa, thể thao, du lịch đến người dân, doanh nghiệp;

c) Đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Chính phủ quy định nhằm tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp khối trường học;

d) Tạo điều kiện cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức, cơ quan nước ngoài về ứng dụng công nghệ thông tin trên thế giới;

đ) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi, tập huấn về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đối với Bộ; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức được tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

a) Xây dựng kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của cơ quan, đơn vị mình, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt;

b) Khai thác, tạo lập, cập nhật thông tin do cơ quan, đơn vị quản lý đối với các hệ thống thông tin chuyên ngành sử dụng chung cũng như Cổng thông tin điện tử của Bộ;

c) Chủ động sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình;

d) Bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin. Tạo điều kiện để cán bộ tham gia các khóa đào tạo về công nghệ thông tin, các chương trình hội nghị, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin đối với ngành;

đ) Hàng năm, bố trí kinh phí cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị;

e) Thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát Kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm;

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan trình phê duyệt Danh mục nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo Kế hoạch hàng năm;

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định nội dung các nhiệm vụ theo Kế hoạch trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt;

d) Định kỳ, đột xuất xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Văn phòng Bộ

a) Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và đảm bảo hoạt động ổn định hạ tầng công nghệ thông tin thuộc khối cơ quan quản lý nhà nước tại trụ sở Bộ;

b) Chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao xây dựng kế hoạch kết nối hoạt động Cổng thông tin điện tử của Bộ với Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương;

c) Chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ và dịch vụ công trực tuyến;

d) Chủ trì phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao và cơ quan chức năng để xử lý tình huống đột xuất liên quan đến an toàn, an ninh của Cổng thông tin điện tử của Bộ;

đ) Đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động của Ban Chỉ đạo; hoạt động kiểm tra, báo cáo hàng năm; hoạt động sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch.

4. Vụ Kế hoạch, Tài chính

a) Cân đối, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm;

b) Nghiên cứu, đề xuất Lãnh đạo Bộ cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn thu dịch vụ công trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của Nhà nước.

5. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Đưa chính sách thu hút nhân lực và ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin vào trong chính sách thu hút nhân tài của Bộ;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin ở các cơ quan, đơn vị;

c) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao tổ chức đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ công tác cải cách hành chính của Bộ.

6. Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Mô trường: hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ về đánh giá chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; nghiên cứu sự phù hợp, tính tương thích và quy định các chuẩn về cơ sở dữ liệu, chuẩn về công nghệ, về cổng thông tin điện tử, về các hệ thống thông tin... để đảm bảo sự hoạt động thông suốt trong phạm vi hoạt động theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho các cán bộ chuyên trách, cán bộ công chức, viên chức thuộc Bộ;

c) Chủ trì và phối hợp với Trung tâm Thông tin Du lịch, Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao, Văn phòng Bộ (Cổng thông tin điện tử của Bộ) và cơ quan chức năng để giải quyết các tình huống đột xuất liên quan đến an toàn, an ninh các hệ thống thông tin, hệ thống công nghệ thông tin của Bộ.

7. Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao

a) Giúp Lãnh đạo Tổng cục Thể dục thể thao xây dựng, duy trì hoạt động đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

b) Tổ chức triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thể dục thể thao sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ trì mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Tổng cục Thể dục thể thao;

d) Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Văn phòng Bộ để xử lý các vấn đề về kỹ thuật công nghệ thông tin nảy sinh đột xuất theo phân công của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ.

8. Trung tâm Thông tin Du lịch

a) Giúp Lãnh đạo Tổng cục Du lịch xây dựng, duy trì hoạt động, đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch;

b) Tổ chức triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ trì mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Tổng cục Du lịch;

d) Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Văn phòng Bộ để xử lý các vấn đề về kỹ thuật công nghệ thông tin nảy sinh đột xuất theo phân công của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của Bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCNMT (4), BT 125.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Thị Bích Liên

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
Các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2016-2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Ban hành theo Quyết định số 3728 /QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô, công việc dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp
A - KHỐI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				
A.I	**Hạ tầng công nghệ thông tin**			
1	Nâng cấp, phát triển Cổng TTĐT của Bộ	- Đến 2018, hạ tầng Cổng TTĐT của Bộ kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và các Bộ, ngành, Sở VHTTDL cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông qua các điểm giao dịch điện tử. - Thuê dịch vụ theo quy định.	2016-2018	Văn phòng Bộ.
2	Hoàn thành mạng WAN, LAN, mạng không dây.	- Hoàn thành hạ tầng mạng WAN của Bộ. - Mạng LAN tốc độ cao (đường truyền cáp quang). - Phần cứng, phần mềm đảm bảo kết nối thông suốt, an toàn, an ninh thông tin.	2016-2018	VP Bộ, Trung tâm CNTT, cơ quan QLNN ngoài trụ sở Bộ.
3	Hạ tầng hệ thống thông tin, thư điện tử và phần mềm tác nghiệp phục vụ quản lý.	- Nâng cấp, duy trì hạ tầng hệ thống thư điện tử của Bộ. - Nâng cấp, duy trì hạ tầng trang tin điện tử, hệ thống thư điện tử tại các Tổng cục. - Hạ tầng đáp ứng nhu cầu phần mềm dùng chung phục vụ quản lý, điều hành trong khối cơ quan lý nhà nước.	2016-2020	VP Bộ; cơ quan quản lý nhà nước của Bộ.
4	Hạ tầng chuyên dụng phục vụ đại hội TDTT	Hoàn thiện hạ tầng phần cứng, hệ thống thông tin phục vụ Đại hội ABG 5.	2016	Tổng cục Thể dục thể thao.
A.II	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan**			
5	Xây dựng, nâng cấp phần	- Hệ thống xử lý, quản lý văn bản điện tử, liên thông giữa	2016-2020	VP Bộ, Tổng cục Du lịch, Tổng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô, công việc dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp
	mềm phục vụ quản lý.	cơ quan Bộ và các Tổng cục. - Phần mềm phục vụ hoạt động quản lý: Nhân sự, kế toán, tài sản, hồ sơ... và các phần mềm quản lý đặc thù (tài liệu khoa học, huấn luyện viên, vận động viên...).		cục Thể dục thể thao.
6	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu và phần mềm chỉ đạo, điều hành công việc của Lãnh đạo Bộ đến cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.	2016-2018	VP Bộ; Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao, Ban QL Làng VH-DL các dân tộc Việt Nam.
7	Cấp hộp thư công vụ đến cán bộ, công chức.	Cấp đủ hộp thư điện tử công vụ đối với 100% công chức phục vụ hoạt động quản lý, tăng cường sử dụng hộp thư để trao đổi văn bản điện tử.	2016-2020	VP Bộ; các cơ quan quản lý nhà nước.
8	Phát triển và duy trì nâng cao hiệu quả hoạt động Cổng/trang thông tin điện tử	- Mở rộng chức năng, trang thông tin thành phần của Cổng TTĐT Bộ đảm bảo hoạt động hiệu quả. - Xây dựng mới một số trang tin điện tử một số lĩnh vực của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp.	2016-2020	VP Bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan; Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT.
A.III	**Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**			
9	Cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ 3, 4.	Đảm bảo cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức 3, 4; ưu tiên các dịch vụ có nhu cầu cấp bách.	2016-2020	VP Bộ; Vụ TCCB, cơ quan có dịch vụ hành chính trực tuyến.
10	Nâng cấp, hoàn thiện dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, thống kê, tra cứu của người dân, doanh nghiệp.	- Nâng cấp, xây dựng CSDL các chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch kết nối, tích hợp với Cổng TTĐT của Bộ; - Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc đề án 896.	2016-2020	VP Bộ; cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ
A.IV	**Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin**			
11	Nâng cao chất lượng nhân lực chuyên trách, phụ trách CNTT.	Hàng năm, đào tạo 02 lớp: - Quản trị mạng, an toàn an ninh thông tin mạng - Quản lý và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	2016-2020	Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT.

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô, công việc dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp
12	Nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT của cán bộ công chức trong thực thi công vụ	Hàng năm, đào tạo 02 lớp: - An toàn, an ninh thông tin trên máy tính cá nhân, hộp thư điện tử; sử dụng các phần mềm quản lý; khai thác thông tin trên internet. - Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ CNTT trong cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến qua Cổng TTĐT Bộ, trang thông tin điện tử của cơ quan.	2016-2020	Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT.
13	Khảo sát, học tập nâng cao chất lượng áp dụng CNTT vào hoạt động của Bộ VHTTDL	Hàng năm, phấn đấu tổ chức 01 đoàn khảo sát ở một số nước phát triển, đã áp dụng thành công mô hình ứng dụng CNTT vào quản lý lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch.	2016-2020	Vụ KHCNMT; Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Hợp tác quốc tế.
B - KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP				
B.I	**Hạ tầng công nghệ thông tin**			
14	Hoàn thiện mạng LAN tại các đơn vị sự nghiệp	Đảm bảo 100% đơn vị sự nghiệp có mạng LAN tốc độ cao, đường truyền cáp quang.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ
15	Phòng máy tính phục vụ giảng dạy	Đảm bảo mỗi trường có 01 phòng máy tính có nối mạng phục vụ giảng dạy, đào tạo sinh viên, học sinh.	2016-2020	Học viện, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.
16	Hạ tầng CNTT phục vụ trưng bày	Trang thiết bị CNTT nâng cao hiệu quả trưng bày hiện vật tại các Bảo tàng, Triển lãm.	2016-2020	Khối Bảo tàng, Triển lãm.
17	Thư viện điện tử	Trang bị phần cứng, phần mềm, thiết bị mạng và các thiết bị chuyên dụng khác của thư viện điện tử.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.
18	Trang bị máy tính cho viên chức	Đảm bảo số lượng máy tính cần thiết cho viên chức.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.
19	Thuê dịch vụ CNTT	Thuê dịch vụ, hạ tầng CNTT theo quy định.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.
B.II	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ đơn vị**			
20	Trang bị và hoàn thiện phần mềm quản lý	Xây dựng phần mềm quản lý, phần mềm chuyên dụng phục vụ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp có liên quan; Vụ KHCNMT, Trung tâm CNTT,

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô, công việc dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp
	chuyên dụng tại đơn vị sự nghiệp.			Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT.
21	Ứng dụng công nghệ GIS, điện toán đám mây trong xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành.	Ứng dụng công nghệ GIS, điện toán đám mây trong xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch liên quan đến phần tử địa lý trên lãnh thổ Việt Nam.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, 02 Tổng cục, Ban QL Làng VH-DL các dân tộc Việt Nam, các Cục có nhu cầu và khả năng.
22	Nâng cao hiệu quả sử dụng hộp thư riêng, trang tin điện tử kết nối với Cổng TTĐT Bộ	- Trang tin điện tử đảm bảo phát huy hiệu quả cung cấp thông tin về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng bá dịch vụ đến với người dân, doanh nghiệp; - Xây dựng hộp thư riêng (có cùng) tên miền với trang thông tin của đơn vị sự nghiệp.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.
B.III	**Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**			
23	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Số hóa tư liệu thành văn bản, hình ảnh và video 2D, 3D, xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành kết nối với Cổng TTĐT của Bộ, phục vụ học tập, nghiên cứu, tra cứu thông tin của người dân, doanh nghiệp.	2016-2020	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.
B.IV	**Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin**			
24	Đào tạo nâng cao nhận thức đối với cán bộ quản lý, phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị	Hàng năm, đào tạo 02 lớp: - Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công nghệ thông tin. - Tập huấn kiến thức, nghiệp vụ công nghệ thông tin nhằm vận dụng tốt vào hoạt động sự nghiệp, quảng bá dịch vụ do đơn vị cung cấp đến người dân, doanh nghiệp. - Quản trị mạng, an toàn an ninh thông tin mạng. - Quản lý và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	2016-2020	Trung tâm CNTT, Trung tâm Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT.
25	Bồi dưỡng, tập huấn cán	Hàng năm, đào tạo 04 lớp:	2016-2020	Trung tâm CNTT, Trung tâm

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô, công việc dự kiến thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì; phối hợp
	bộ, viên chức tại đơn vị sự nghiệp	- An toàn, an ninh thông tin trên máy tính cá nhân, hộp thư điện tử, khai thác thông tin trên internet; - Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong tuyên truyền về văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và quảng bá dịch vụ đến người dân, doanh nghiệp; - Ứng dụng CNTT trong giảng dạy tại các trường học lĩnh vực Du lịch; - Ứng dụng CNTT trong giảng dạy tại các trường học lĩnh vực Văn hóa, Thể dục, Thể thao.		Thông tin DL, Trung tâm Thông tin TDTT
26	Đào nhân lực chuyên sâu về CNTT.	Hỗ trợ nhân lực chuyên trách (văn bằng về CNTT) tại các đơn vị sự nghiệp được học tập nâng cao trình độ sau đại học về CNTT; tham gia giao lưu, hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước về CNTT.	2016-2020	Vụ KHCNMT, Cục Hợp tác quốc tế, Vụ Đào tạo, Vụ Tổ chức cán bộ; các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

Tổng số có 26 nhiệm vụ.

* *Các cơ quan, đơn vị không có tên trong danh mục, đề nghị căn cứ mục tiêu của Kế hoạch chủ động xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh phí hàng năm cấp về đơn vị.*